TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2023/DS-PT
Ngày 31-7-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân.

Ông Đặng Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 36/4 Nguyễn Văn Nhâm, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1975 và ông Lê Văn M, sinh năm 1974;

Cả hai cùng địa chỉ: Số 56 Trần Minh Châu, Phường 5, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C và ông M: Ông Nguyễn Anh T – Luật sư, văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. NLC1.

2. NLC2.

3. NLC3.

4. NLC4.

5. NLC5.

6. NLC6.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà C và ông M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2022 của nguyên đơn và cùng những lời trình bày như sau: Bà L đã cho bà C và ông M vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 22/5/2019 bà C và ông M vay 8.000.000 đồng;

- Ngày 29/5/2019 bà C và ông M vay 10.000.000 đồng;

- Ngày 06/6/2019 bà C và ông M vay 8.000.000 đồng;

- Ngày 16/6/2019 bà C và ông M vay 8.000.000 đồng;

- Ngày 28/8/2019 bà C và ông M vay 10.000.000 đồng.

Các bên thỏa thuận lãi suất 15%, không thỏa thuận thời gian trả tiền gốc.

Bà L khởi kiện yêu cầu bà C và ông M hoàn trả tiền gốc vay 44.000.000 đồng. Sau đó, bà L thừa nhận có nhận tiền của bà C và ông M trả là 18.000.000 đồng và có cộng nhầm của bà C và ông M số tiền 10.000.000 đồng. Nên bà L xác định chỉ yêu cầu bà C và ông M cùng có nghĩa vụ trả số tiền 16.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, tính từ ngày 01/11/2019 cho đến xét xử.

Ngoài ra, bà C và ông M có tham gia các dây hụi do bà L làm chủ thảo như sau: Năm 2019, bà C và ông M có tham gia nhiều dây hụi, đã hốt và không đóng hụi chết đúng thỏa thuận, bà L đã choàng hụi cho bà C và ông M. Đến tháng 02 năm 2020, bà C và ông M còn nợ tiền hụi là 55.700.000 đồng. Năm 2020, mở tổng cộng 04 đây hụi gồm:

- Dây 1, khui ngày 15/4/2020 (âm lịch) 2.000.000 đồng, hụi 20 phần, bà C và ông M tham gia 01 phần ghi tên "9 nhăn", hốt vào lần khui thứ 01, giao 29.400.000 đồng.

- Dây 2, ngày 15/4/2020 (al) 2.000.000 đồng, hụi 20 phần, bà C và ông M tham gia 01 phần ghi tên "Heo mọi", hốt vào lần khui thứ 02, giao 29.260.000 đồng.

- Dây 3, ngày 15/4/2020 (al) 1.000.000 đồng, hụi 20 phần, bà C và ông M tham gia 02 phần tên "Heo mọi" và "ông 9 Nhăn", bán hụi vào lần khui thứ 01, giá bán 14.700.000 đồng/1 phần.

- Dây 4, ngày 15/4/2020 (al) 1.000.000 đồng, hụi 20 phần, bà C và ông M tham gia 01 phần tên "ông 9 Nhăn", hốt ghi lần khui thứ mấy không rõ nhưng giao 13.400.000 đồng.

Sau khi hốt hụi, bà C và ông M còn thiếu tiền đóng hụi chết như sau:

- Ngày 20/8/2020 (al) thiếu 7.000.000 đồng;

- Ngày 20/2/2021 (al) thiếu 7.000.000 đồng;

- Ngày 20/3/2021 (al) thiếu 3.000.000 đồng.

Từ 20/4/2020 (al) đến 20/11/2021 (al) mỗi tháng thiếu 7.000.000 đồng.

Tổng cộng còn nợ hụi là 77.000.000 đồng.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà C và ông M liên đới trả số tiền nợ hụi là 132.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà L đồng ý với việc điều chỉnh tiền lãi đã nhận theo quy định của pháp luật và thừa nhận số tiền lãi đã nhận như sau:

Số tiền vay là 8.000.000 đồng, đã nhận lãi 5 tháng là 6.000.000 đồng;

Số tiền vay là 10.000.000 đồng, đã nhận lãi 5 tháng 7.500.000 đồng;

Số tiền vay là 8.000.000 đồng, đã nhận lãi 5 tháng 6.000.000 đồng;

Số tiền vay là 8.000.000 đồng, đã nhận lãi 4 tháng 4.800.000 đồng;

Số tiền vay là 10.000.000 đồng x 2 tháng 8 ngày 3.400.000 đồng.

Đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 06/11/2019 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé C trình bày: Bà C thừa nhận có vay của bà L tổng số tiền 44.000.000 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 22/5/2018 vay số tiền là 8.000.000 đồng. Ngày 29/5/2018 vay số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 06/6/2018 vay số tiền là 8.000.000 đồng. Ngày 16/6/2018 vay số tiền là 8.000.000 đồng. Ngày 28/8/2018 vay số tiền là 10.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 15%, không thỏa thuận thời gian hoàn vốn.

Sau khi vay, bà C có thanh toán tiền lãi theo thỏa thuận đến 31/3/2020 và nhiều lần trả vốn gốc cho bà L với tổng số tiền là 18.000.000 đồng. Cụ thể: Năm 2019 trả lần 01 là 3.000.000 đồng, lần 02 là 10.000.000 đồng; Năm 23/12/2021 trả 5.000.000 đồng. Như vậy, bà C xác nhận còn nợ bà L số tiền vốn vay là 26.000.000 đồng. Trong quá trình cấn trừ tiền nợ hụi và tiền lãi hàng tháng, bà L có tính nhầm 10.000.000 đồng. Vì vậy, hiện nay còn nợ bà L tiền vốn vay là 16.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ 01/11/2019 bà C không đồng ý vì xác định đã đóng lãi đến 31/3/2020 nên chỉ đồng ý tính tiền lãi

theo quy định từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử. Đối với khoản tiền lãi từ năm 2018 đến ngày 31/3/2020, không yêu cầu giải quyết.

Đến năm 2022, bà L yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ nhưng do chưa thống nhất được số nợ nên bà C chưa thanh toán.

Bà C thừa nhận năm 2019, có tham gia hụi do bà L làm chủ, tham gia nhiều dây hụi, đã hốt và không đóng hụi chết đúng thỏa thuận, bà L đã choàng hụi cho bà đến tháng 2 năm 2020 mãn hụi nên còn nợ tiền hụi bà L là 55.700.000 đồng. Riêng các dây hụi khui năm 2020, bà C không có tham gia nên không có nợ tiền hụi như bà L trình bày.

Do bà C chơi hụi nhiều nơi, thiếu vốn nên mới vay và tham gia hụi của bà L. Bà C xác định đây là nợ riêng không phải nợ chung của vợ chồng. Việc bà C vay tiền và tham gia hụi ông M hoàn toàn không biết đồng ý chịu trách nhiệm cá nhân đối với số tiền nợ này.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà C yêu cầu được điều chỉnh tiền lãi mà bà C đã thanh toán cho bà L từ năm 2018 đến 31/3/2020 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lê Văn M có lời trình bày: Việc bà C vay nợ và tham gia hụi với bà L, ông M hoàn toàn không biết. Vì vậy, ông M không đồng ý liên đới với bà C để trả nợ.

Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 136, 147, 161, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà C và ông M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 16.000.000 đồng và tiền lãi từ 01/11/2019 đến ngày xét xử.

Buộc bà L phải hoàn trả cho bà C và ông M số tiền là 8.416.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà C và ông M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi cho bà L là 132.700.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bà L phải nộp án phí sơ thẩm là 1.220.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Bà C và ông M phải nộp án phí sơ thẩm là 6.635.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 ông M kháng cáo không đồng ý liên đới.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà C thay đổi yêu cầu kháng cáo, xác định chỉ kháng cáo một phần bản án, ông M giữ nguyên kháng cáo.

Bị đơn bà C trình bày: Xác định không có tham gia 04 dây hụi như bà L trình bày nên không có nợ bà L số tiền 77.000.000 đồng. Các hụi viên làm chứng bà C hoàn toàn không biết nên không đồng ý lời trình bày của các nhân chứng. Đối với số nợ 55.700.000 đồng bà L có yêu cầu ký nhận nợ nhưng số tiền 77.000.000 đồng vì không có nợ nên bà L không yêu cầu ký nhận nợ nên xác định không có nợ nên không đồng ý trả như án sơ thẩm tuyên.

Bị đơn ông M trình bày: Ông M có công việc ổn định, thu nhập từ làm thuê đủ nuôi sống gia đình, giao dịch hụi và vay giữa bà L và bà C, ông M hoàn toàn không biết và bà L cũng không báo cho ông biết việc nợ giữa các bên nên không đồng ý liên đới.

Nguyên đơn bà L trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà C và ông M, việc bà C vay tiền và tham gia hụi trong thời gian dài ông M biết nên ông M vẫn có nghĩa vụ liên đới. Đối với 04 dây hụi bà C có tham gia và còn nợ tiền hụi là 77.000.000 đồng, danh sách hụi do bà L ghi và theo dõi, hai bên không có chốt nợ, các hụi viên tham gia cùng dây hụi xác nhận có việc bà C tham gia hụi và đã hốt hụi.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L và ông M có lời trình bày: Đoạn ghi âm tại phiên hòa giải tại cấp sơ thẩm bà L thừa nhận tiền vay từ năm 2018 đến năm 2020, từ tiền vay thành tiền hụi nên số tiền 77.000.000 đồng bà L cho rằng nợ tiền hụi là không có căn cứ vì hai bên không có xác nhận nợ, giấy hụi bà C không nhận và hoàn toàn không biết danh sách hụi viên. Danh sách hụi ghi tên "Heo mọi", "9 nhăn" nhưng bà C không thừa nhận có tham gia. Vì sao dây hụi 20 người nhưng nhân chứng chỉ có 04 hụi viên là chưa đủ sức thuyết phục; danh sách hụi bà L tự theo dõi, nợ từ tháng nào và số tiền phải góp hàng tháng là bao nhiêu, bà L tự tính nợ không báo cho bà C biết. Bà L thừa nhận việc giao dịch hụi không ký nhận khi giao tiền và nhận tiền từ hụi viên là thiếu sót của bà L khi làm chủ hụi, đối với nợ 55.700.000 đồng thì bà L có yêu

cầu bà C ký nhận nợ, riêng 77.000.000 đồng bà C không có nợ nên bà L không xuất trình được giấy xác nhận nợ của số tiền này. Từ đó, xác định bà L khởi kiện đối với số tiền 77.000.000 đồng chỉ căn cứ và danh sách hụi bà L tự ghi và 04 người là hụi viên để làm chứng là chưa đủ căn cứ. Đề nghị, bác yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu số tiền 77.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu liên đới, ông M hoàn toàn không tham gia giao dịch và hoàn toàn không biết việc bà C giao dịch tiền vay, tiền hụi với bà L. Bà L không sử dụng số tiền trên vào nhu cầu sinh hoạt cho gia đình, ông M có công việc thu nhập ổn định lo cho cuộc sống gia đình nên không đồng ý liên đới.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bà C và ông M kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo đối với số tiền hụi 77.000.000 đồng: Bà L cho rằng vào ngày 15/4/2020AL (tháng nhuận), bà có mở tổng cộng 04 dây hụi. Bà C thừa nhận trước đây khi bà tham gia chơi hụi với bà L đều lấy tên là "Heo mọi" và "ông 9 Nhăn" nhưng thực chất người chơi là bà C. Bà C cho rằng, bà chỉ chơi các dây hụi trước 20/4/2020 các dây hụi mở ngày 15/4/2020AL (tháng nhuận) bà không có tham gia.

Xét thấy, lời khai những người làm chứng là NLC1, NLC2, NLC3 và NLC4 đều trình bày thống nhất về việc có cùng tham gia các dây hụi với bà C, cùng bà C đến bỏ thăm hụi và chứng kiến việc mở thăm, xác định bà C được hốt hụi. Mặt khác, theo sổ ghi chép hụi do bà L cung cấp thể hiện các dây hụi mở ngày 15/4/2020AL được bà L ghi chép tại phần giữa của quyển tập, không có dấu hiệu tẩy, xóa, cạo sửa thể hiện có tên hụi viên là "Heo mọi" và "ông 9 Nhăn". Các chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định bà C có tham gia 04 dây hụi mở ngày 15/4/2020AL (tháng nhuận) và đã hốt hụi.

Bà C không thừa nhận việc tham gia chơi hụi, không xác định việc có đóng lại hụi chết đầy đủ hay không nên căn cứ vào sự thừa nhận của bà L xác định bà C hiện còn nợ số tiền hụi chết chưa đóng là 77.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà L phải trả lại cho bà C, ông M số tiền 8.416.000 đồng trong khi bà C không có yêu cầu phản tố về việc điều tiết lại tiền lãi là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bà L cũng không có kháng cáo về nội dung này nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Kháng cáo của ông M về trách nhiệm liên đới: Bà C và ông M đều cho rằng bà C chơi hụi là chơi riêng, tiêu xài riêng cho bản thân, ông M hoàn toàn không biết. Nhận thấy việc tham gia chơi hụi đã diễn ra liên tục trong một thời gian

dài, qua rất nhiều năm. Đồng thời, thời gian bà C tham gia chơi hụi cũng là trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông M. Nên việc bà C và ông M cho rằng bà C không sử dụng tiền chơi hụi chung cho phát triển kinh tế, sinh hoạt gia đình và ông M không biết việc chơi hụi là không phù hợp.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà C và ông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà C và ông M kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bà C và ông M về một phần bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà L và bà C khai thống nhất về số tiền vay, bà C còn nợ bà L số tiền vay 16.000.000 đồng. Ngoài ra bà C thừa nhận có tham gia góp hụi và còn nợ bà L số tiền 55.700.000 đồng, riêng 77.000.000 đồng bà C không thừa nhận. Đối với số tiền nợ hụi 77.000.000 đồng bà C trình bày không tham gia góp hụi. Tuy nhiên, lời khai những người làm chứng là NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5 và NLC6 đều trình bày thống nhất về việc có cùng tham gia các dây hụi với bà C, cùng bà C đến bỏ thăm và chứng kiến việc mở thăm xác định bà C được hốt hụi. Mặt khác, theo sổ ghi chép hụi do bà L cung cấp thể hiện các dây hụi mở ngày 15/4/2020 (al) được bà L ghi chép tại phần giữa của quyển tập, không có dấu hiệu tẩy, xóa, cạo sửa thể hiện có tên hụi viên là "Heo mọi" và "ông 9 Nhăn". Các chứng cứ này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định bà C có tham gia 04 dây hụi mở ngày 15/4/2020 (al, tháng nhuận) và đã hốt hụi. Nên cấp sơ thẩm buộc bà C trả số tiền nợ hụi chết chưa đóng cho bà L 77.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự và Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Bà C kháng cáo không cung cấp chứng cứ nào khác. Vì vậy, kháng cáo của bà C không có căn cứ chấp nhận.

[3.1] Ông M là chồng của bà C không đồng ý liên đới vì cho rằng ông không biết việc bà C vay tiền cũng như tham gia chơi hụi, việc vay tiền cũng như tham gia chơi hụi là việc của cá nhân bà C không nhằm mục đích sinh hoạt chung cho gia đình, nên ông M không có trách nhiệm liên đới. Xét thấy, việc tham gia các dây hụi đã diễn ra liên tục trong một thời gian dài, qua rất nhiều năm. Mặt khác, thời gian bà C tham gia chơi hụi cũng là trong thời kỳ hôn nhân của bà C và ông M. Nên việc bà C và ông M cho rằng bà C không sử dụng tiền chơi hụi chung cho phát triển kinh tế, sinh hoạt gia đình và ông M không biết

việc bà C tham gia các dây hụi là không phù hợp. Do đó bà L yêu cầu bà C và ông M có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ vay và nợ hụi cho bà L số tiền 132.700.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông M kháng cáo không cung cấp chứng cứ nào khác. Vì vậy, kháng cáo của ông M không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà C và ông M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C và ông M mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà C và ông M đã nộp.

[6] Những nội dung khác của Bản án không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 136, 147, 161, 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 16.000.000 đồng và tiền lãi từ 01/11/2019 đến ngày xét xử.

Buộc bà Huỳnh Thị L phải hoàn trả cho bà bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M số tiền là 8.416.000 đồng (tám triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L, buộc bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê văn M có nghĩa vụ hoàn trả số tiền hụi cho bà

Huỳnh Thị L là 132.700.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị L phải chịu là 1.220.000 đồng (một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Khấu trừ 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị L đã nộp theo biên lai thu số 0001862 ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Tân An, tỉnh Long An, bà Huỳnh Thị L còn phải nộp tiếp số tiền 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M phải chịu là 6.635.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002264 và 0002266, cùng ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An (bà Nguyễn Thị Bé C và ông Lê Văn M đã nộp xong tiền án phí).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TP.Tân An;
- Chi cục THADS TP.Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền